

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó đề ra một trong những nhiệm vụ quan trọng là “*Phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon toàn cầu*”.

- Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về đẩy mạnh chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tiếp tục nhấn mạnh thị trường các-bon nội địa là một nhiệm vụ trọng tâm trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong đó, một trong các nhiệm vụ trọng tâm là “*đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu trữ các-bon và phát triển thị trường tín chỉ các-bon rừng*”.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (khoản 3 Điều 61) là một trong 5 loại hình dịch vụ môi trường rừng và tại khoản 5 Điều 63 quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức*

chi trả dịch vụ môi trường rừng và điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng”. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP). Tuy nhiên, đến nay chưa có quy định cụ thể về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng áp dụng trong phạm vi toàn quốc (Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ).

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 138) quy định dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là một trong 4 loại dịch vụ của hệ sinh thái tự nhiên được chi trả dịch vụ theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp; Điều 139 quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon.

- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Điểm b khoản 1 Điều 17 quy định giai đoạn đến hết năm 2027: *“b) Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”*.

- Việt Nam đã tham gia ký Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu (2015), theo đó, các quốc gia được tự do trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ giảm phát thải. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016, trong đó đề ra nhiệm vụ *“Xây dựng và phát triển thị trường các-bon trong nước và các cơ chế hợp tác khác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Thực hiện thí điểm trong các lĩnh vực có tiềm năng”*(Nhiệm vụ I.1.4).

Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, như: Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Đất đai năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật giá năm 2023, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025,...) quy định về quyền sở hữu và đại diện chủ sở hữu tài sản công trong phạm vi quốc gia và phạm vi tỉnh, có thể vận dụng trong việc đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền đại diện quyền sở hữu; ký hợp đồng/thỏa thuận về trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân.

2. Cơ sở thực tiễn

- Ngay sau khi Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ được ban hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã tổ chức triển khai thực hiện. Qua gần 3 năm thực hiện thí điểm

chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính nguồn thu này cho thấy, đây là chính sách được xây dựng và tổ chức thực hiện xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của sản xuất và đời sống, tạo nguồn thu mới để đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng, được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ; có tác động lan tỏa, tạo ra hiệu ứng tích cực, phù hợp với quy luật của nền kinh tế thị trường, mang lại động lực, lợi ích chung cho cộng đồng; mở rộng hợp tác với các đối tác, chương trình, dự án quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính để triển khai dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng trong phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, như: sử dụng nguồn tiền từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải của chủ rừng là tổ chức, xác định đối tượng được hưởng lợi, mức chi trả, chi phí trang trải cho các hoạt động liên quan đến vận hành chương trình, như: đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải; kiểm tra, giám sát các-bon rừng; nâng cao năng lực, giải quyết tranh chấp, khiếu nại... Do vậy, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP là thông tin đầu vào quan trọng để Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng áp dụng trong phạm vi toàn quốc.

- Ngày 31 tháng 10 năm 2022, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ tại COP26, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ký Ý định thư với Tổ chức Tăng cường tài chính Lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Emergent)-Cơ quan hành chính của Liên minh giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp (sau đây viết tắt là LEAF) dự kiến chuyển nhượng 5,15 triệu tấn CO₂ ở vùng Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên với mức giá 10 USD/tấn CO₂, từ năm 2022 đến năm 2026.

- Hiện nay, một số đối tác quốc tế đang tích cực hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để trao đổi, thảo luận về ký kết thỏa thuận trao đổi tín chỉ các-bon. Một số địa phương (Quảng Nam, Lào Cai, Sơn La...) đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương thí điểm xây dựng Đề án đổi với dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng, nhưng cho đến nay không triển khai được do chưa có khung pháp lý về trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng áp dụng trong phạm vi toàn quốc.

- Thực hiện Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại cuộc họp về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, theo đó, giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Chính phủ xem xét ban hành Nghị định quy định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng theo đúng quy định, trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP.

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc xây dựng Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước, cụ thể hóa quy định tại Luật Lâm nghiệp giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp.

Tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các địa phương, các chủ rừng đóng góp vào nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính thông qua việc tham gia trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, tạo nguồn thu mới để đầu tư vào công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao thu nhập cho người làm nghề rừng.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển thị trường các-bon; bám sát các quy định của Luật Lâm nghiệp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình đàm phán, triển khai các quy định của quốc tế về trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon.

Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, chủ rừng, các đối tác và tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong trao đổi, chuyển nhượng, chia sẻ lợi ích nguồn thu từ kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng.

Đơn giản hóa quy định về thủ tục hành chính, tạo điều kiện để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các quy định được thuận lợi, tiết kiệm chi phí.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện các hoạt động sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo tại Quyết định số 1704/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2. Tổ chức rà soát, hệ thống hóa, đánh giá các quy định có liên quan đến dự thảo Nghị định; sơ kết thực hiện Nghị định số 107/2022/NĐ-CP về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA vùng Bắc Trung Bộ.
3. Tổ chức các cuộc họp của Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định; hội thảo, hội nghị với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành có liên quan, chủ rừng, tổ chức, dự án quốc tế tại Việt Nam để tham vấn về nội dung dự thảo Nghị định.
4. Lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Công văn số/BNNMT-LNKL ngày .../6/2025); tổ chức tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
5. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại Công văn số/BNNMT-LNKL ngày .../.../2025. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định đối với dự thảo Nghị định ngày/2025 và có Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2025.
6. Đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về tên, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu, rà soát Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất tên Nghị định là "*Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng*" với các lý do sau:

Nghị định này quy định về đối tượng, hình thức, mức chi trả; xác định lượng kết quả giảm phát thải và tín chỉ các-bon rừng được cung ứng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, trong đó:

Quy định chi tiết khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017, gồm, đối tượng, hình thức, mức chi trả, quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

Bổ sung các nội dung về xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng vì lý do sau đây:

- Theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025, trước khi tiến hành các hoạt động trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, cần phải triển khai dự án các-bon rừng bao gồm các hoạt động: đăng ký, đo đạc, báo cáo, thẩm định và cấp tín chỉ các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế hoặc tiêu chuẩn các-bon trong nước. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể cơ quan nào triển khai dự án các-bon rừng, trong khi đó theo Luật Lâm nghiệp năm 2017, có khu rừng thuộc sở hữu toàn dân, có khu rừng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nên cần quy định cụ thể cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể đăng ký, triển khai dự án các-bon rừng để tạo kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng hoặc thực hiện chuyển nhượng trên sàn giao dịch các-bon trong nước phù hợp với các hình thức sở hữu rừng.

Chính vì vậy, Nghị định này, ngoài quy định chi tiết khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017, cần bổ sung một số nội dung được đề cập ở trên để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thuộc thẩm quyền của Chính phủ và đề xuất tên của Nghị định là "*Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng*", tên của Nghị định theo đề xuất đã bao quát đầy đủ nội dung của dự thảo Nghị định.

Đối tượng áp dụng là cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm: 4 chương và 18 Điều, 04 Phụ lục, cụ thể như sau

Chương 1. Quy định chung, gồm: 7 Điều; từ Điều 1 đến Điều 7.

Chương 2. Xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, gồm 4 Điều, từ Điều 8 đến Điều 11.

Chương 3. Quản lý sử dụng nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, gồm 5 Điều, từ Điều 12 đến Điều 16.

Chương 4. Tổ chức thực hiện, gồm 2 Điều, từ Điều 17 đến Điều 18.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Chương 1. Quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc, bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ, điều kiện, hình thức chi trả, mức chi trả, cụ thể:

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp năm 2017 (đối tượng, hình thức, mức chi trả, quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ

các-bon của rừng); đồng thời bổ sung nội dung về xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng như đã giải thích tại mục 1.IV nêu trên.

b) Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Nghị định này giải thích một số từ ngữ như kết quả giảm phát thải khí nhà kính của rừng, tín chỉ các-bon rừng, cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; thỏa thuận hoặc hợp đồng trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, triển khai dự án các-bon rừng.

c) Nguyên tắc cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (Điều 3)

Nghị định quy định 5 nguyên tắc, trong đó có nguyên tắc kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng đã được trao đổi, chuyển nhượng theo hợp đồng hoặc trên sàn giao dịch các-bon trong nước thì bên cung ứng không được trao đổi, chuyển nhượng cho các bên sử dụng khác; nguyên tắc này phù hợp với thông lệ quốc tế để tránh bán tín chỉ 2 lần. Ngoài ra, việc quản lý sử dụng nguồn thu từ các-bon rừng phù hợp với quy định tại Luật Lâm nghiệp.

d) Bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ (Điều 4)

Về cơ bản, bên cung ứng vẫn theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP, tuy nhiên bên sử dụng dịch vụ mở rộng một số đối tượng, vì lý do sau đây:

- Theo Luật Lâm nghiệp năm 2017, bên sử dụng dịch vụ là “Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn”. Theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025, các doanh nghiệp bị thiếu hạn ngạch sẽ mua tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước để bù trừ tối đa 30% hạn ngạch. Do đó, nếu chỉ quy định bên sử dụng là “Cơ sở phát thải lớn” thì nhu cầu mua bị giới hạn do tỷ lệ được bù trừ và sự cạnh tranh của các-bon rừng với các loại tín chỉ khác (nông nghiệp, chăn nuôi, năng lượng, giao thông, rác thải...).

- Các đối tác quốc tế có nhu cầu mua tín chỉ các-bon rừng của Việt Nam; đồng thời, nhiều doanh nghiệp trong nước “phát thải ít” (không phải thực hiện kiểm kê, không được phân bổ hoặc đấu giá hạn ngạch) cũng có nhu cầu mua kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng để thực hiện mục tiêu cam kết tự nguyện. Do vậy, đề xuất bổ sung 2 đối tượng này.

đ) Điều kiện cung ứng, hình thức chi trả (Điều 5, Điều 6)

- Điều kiện đối với bên cung ứng là phải tạo ra kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng, đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định (NDC) và các nghĩa vụ khác. Đối với bên sử dụng, là tổ chức hoạt động hợp pháp và thực hiện các nội dung theo hợp đồng hoặc cơ chế vận hành của sàn giao dịch các-bon trong nước.

Về hình thức chi trả, do đặc thù của loại hàng hóa là tín chỉ các-bon rừng, nên ngoài chi trả theo hợp đồng còn bổ sung hình thức chi trả theo cơ chế vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước, được coi là hình thức chi trả trực tiếp.

e) Mức chi trả (Điều 7)

Nghị định quy định mức chi trả là giá trao đổi, chuyển nhượng 1 tấn các-bon dioxide (CO₂) hoặc 1 tín chỉ các-bon rừng, được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác.

Đồng thời quy định việc xác định giá trao đổi, chuyển nhượng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng như sau:

- Đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân: Nghị định quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành bảng giá các-bon đối với rừng thuộc phạm vi quản lý của địa phương, vì:

+ Khoản 6 Điều 15 Luật giá năm 2023 quy định Bộ chuyên ngành có thẩm quyền ban hành phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

+ Khoản 1 Điều 91 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định trường hợp định giá rừng khi thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong khi đó theo khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp năm 2017 hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là một loại dịch vụ môi trường rừng, nên việc đề xuất các cơ quan nói trên tham gia vào quá trình định giá rừng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Giá này làm căn cứ xác định giá khởi điểm trên sàn giao dịch các-bon hoặc đấu giá trước khi ký hợp đồng cung ứng, vì giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng có nhiều biến động, nên không quy định mức giá cụ thể như 4 loại dịch vụ môi trường rừng khác theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP mà trên cơ sở vận dụng quy định của Luật Giá năm 2023 (mục 32 Phụ lục 02 kèm theo) đề xuất cơ quan nhà nước định giá.

- Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân: Khuyến khích áp dụng hướng dẫn định giá để định giá dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

3.2. Chương 2. Xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng

Chương này quy định về triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước và quốc tế, kinh phí triển khai dự án các-bon rừng, xác định lượng kết quả giải phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng, cụ thể:

a) Triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon (Điều 8, Điều 9)

Dự thảo Nghị định quy định việc triển khai dự án các-bon rừng theo tiêu chuẩn các-bon trong nước (Điều 8) và quốc tế (Điều 9) để phù hợp với Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2022/NĐ-CP, cụ thể:

- Theo tiêu chuẩn các-bon trong nước: Đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng là tổ chức trực tiếp hoặc hợp tác với chủ rừng khác để thực hiện dự án; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai dự án các-bon rừng trên toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh/thành phố. Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng trực tiếp hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng.

- Theo tiêu chuẩn các-bon quốc tế: Đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng trực tiếp hoặc hợp tác với chủ rừng khác triển khai dự án các-bon rừng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai dự án các-bon rừng trên toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của tỉnh/thành phố; Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai dự án các-bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ 2 tỉnh/thành phố trở lên. Đối với rừng không thuộc sở hữu toàn dân, chủ rừng trực tiếp triển khai hoặc hợp tác với các chủ rừng khác hoặc ủy quyền cho tổ chức khác có tư cách pháp nhân triển khai dự án các-bon rừng.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định trường hợp chủ rừng sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng nằm xen kẽ, liền kề với diện tích rừng thuộc sở hữu toàn dân có nhu cầu tham gia dự án các-bon rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai, thì chủ rừng thực hiện cam kết tham gia và có biên bản xác nhận.

b) Xác định lượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được cung ứng từ dự án các-bon rừng (Điều 10)

Hiện tại, lĩnh vực Lâm nghiệp được phân bổ lượng giảm phát thải là 3,5% trong tổng số cam kết NDC là 15,8% (tập trung vào diện tích rừng thuộc sở hữu toàn dân). Do vậy, việc trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng phải đảm bảo nguyên tắc đóng góp đủ lượng NDC được phân bổ cho lĩnh vực Lâm nghiệp (3,5%).

Xuất phát từ vấn đề trên, dự thảo Nghị định quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ hạn ngạch NDC cho địa phương; xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng đối với dự án các-bon rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai; xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-bon rừng được cung ứng đối với dự án các-bon rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải do quốc gia tự quyết định đã được phân bổ cho tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ hạn ngạch NDC cho các chủ rừng và xác định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tín chỉ các-

bon rừng được cung ứng đối với dự án các-bon rừng do tổ chức triển khai thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Kinh phí triển khai dự án các-bon rừng (Điều 11)

Quy định kinh phí triển khai dự án các-bon đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân được cân đối, bố trí từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng hoặc huy động nguồn hỗ trợ từ quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3.3. Chương 3. Quản lý sử dụng nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng

Chương này quy định các hình thức trao đổi, chuyển nhượng; quản lý sử dụng nguồn thu theo hình thức chi trả trực tiếp và ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; lập kế hoạch tài chính, giải ngân, thanh toán, quyết toán, chế độ báo cáo; kiểm tra, giám sát, công khai tài chính. Nội dung của chương này được đề xuất để phù hợp với Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 và Nghị định về sàn giao dịch các-bon trong nước (phần hình thức trao đổi, chuyển nhượng) và kế thừa trên cơ sở sơ kết, đánh giá một số nội dung của Nghị định 107/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (phần quản lý sử dụng nguồn thu theo hình thức ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và lập kế hoạch, giải ngân, thanh toán), cụ thể:

a) Hình thức trao đổi, chuyển nhượng (Điều 12)

Dự thảo Nghị định phân chia 2 hình thức trao đổi, chuyển nhượng qua hợp đồng và trên sàn giao dịch các-bon trong nước. Tổ chức nào chủ trì việc triển khai dự án các-bon rừng sẽ ký hợp đồng hoặc trao đổi, chuyển nhượng trên sàn giao dịch các-bon trong nước. Nội dung này là phù hợp với quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 về việc tổ chức triển khai dự án các-bon rừng sẽ đăng ký và được cấp tín chỉ các-bon trên hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (đối với tiêu chuẩn các-bon trong nước) và hệ thống giao dịch các-bon tự nguyện quốc tế (đối với tiêu chuẩn các-bon quốc tế).

b) Quản lý sử dụng nguồn thu theo hình thức chi trả trực tiếp (Điều 13)

Dự thảo quy định nguồn thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý sử dụng tương tự các dịch vụ môi trường rừng khác.

c) Quản lý sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (Điều 14)

Về tiếp nhận nguồn thu: Giao cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp nhận nguồn thu đối với hợp đồng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tiếp nhận nguồn thu từ hợp đồng do UBND tỉnh ký; các quỹ cần mở tài khoản để tiếp nhận nguồn thu này.

Về tiêu chí điều phối nguồn thu và xác định số tiền chi trả: Phân phối nguồn thu từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đến Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh dựa vào 2 tiêu chí: Tín chỉ các-bon rừng và diện tích rừng, tiêu chí chi trả từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh cho chủ rừng và tổ chức khác quản lý rừng là diện tích rừng.

Về sử dụng nguồn thu của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, chủ rừng: Áp dụng theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP, ngoài ra bổ sung tỷ lệ trích tối đa 5% đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (trường hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường ký hợp đồng) và 5% đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (trường hợp UBND tỉnh ký hợp đồng) để thực hiện các hoạt động về quản lý quỹ cũng như đăng ký dự án, đo đạc, báo cáo, thẩm định, cấp tín chỉ, ...

d) Về lập kế hoạch tài chính, giải ngân, thanh toán, quyết toán, chế độ báo cáo (Điều 15)

Quy định cụ thể về việc lập kế hoạch tài chính, giải ngân, thanh toán, quyết toán; thực hiện chế độ báo cáo để phù hợp với loại hình dịch vụ này.

đ) Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính (Điều 16)

Nghị định quy định việc kiểm tra, giám sát và công khai tài chính tương tự các loại dịch vụ môi trường rừng khác.

3.4. Chương 4. Tổ chức thực hiện (Điều 17, Điều 18)

Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hiệu lực thi hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH

Sẽ bổ sung sau (nếu có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUÁ/BAN HÀNH

1. Về nguồn nhân lực

Dự thảo Nghị định chỉ điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tiễn, do đó, Nghị định sau khi được thông qua vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành của các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương có liên quan, như các Bộ, ngành;

Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường; sử dụng nguồn nhân lực của các chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng. Mặt khác, sau khi Nghị định được ban hành sẽ huy động nguồn nhân lực hiện có của các loại hình chủ rừng (167 ban quản lý rừng đặc dụng, 231 ban quản lý rừng phòng hộ; 160 công ty lâm nghiệp; 1,3 triệu hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng).

2. Về nguồn lực tài chính

Thực hiện các quy định tại Nghị định này sẽ phát sinh một số chi phí trong công tác quản lý nhà nước về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (chủ yếu là kinh phí xây dựng, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn; xem xét, phê duyệt dự án các-bon rừng, cấp tín chỉ các-bon rừng, kiểm tra, giám sát; ...). Dự kiến nguồn lực để thực hiện các hoạt động này từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp hằng năm thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở cấp trung ương và địa phương.

Ngoài ra, để thi hành Nghị định này còn phát sinh một số chi phí khác, như: đăng ký dự án các-bon rừng, đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải; phổ biến, tuyên truyền, nâng cao năng lực; giải quyết tranh chấp, khiếu nại... Dự kiến nguồn lực để thực hiện các hoạt động này được lấy từ nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; nguồn lực đóng góp của các chủ rừng; huy động sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác.

Do vậy, với điều kiện thực tế về tài chính, cơ sở vật chất hiện nay đủ để tổ chức thi hành Nghị định sau khi được Chính phủ thông qua, bảo đảm tính khả thi.

VII. VỀ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sau khi rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy không phát sinh thủ tục hành chính, vì:

- Dự thảo Nghị định tập trung quy định về nguyên tắc, điều kiện, đối tượng, hình thức, mức chi trả; quản lý sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; đây là các quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh và các đối tượng được chi trả; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh tham gia một số hoạt động là thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nguồn thu này (phê duyệt dự toán, quyết toán kinh phí...) nên không phát sinh thủ tục hành chính.

- Dự thảo nghị định có quy định về triển khai dự án các-bon rừng (đăng ký xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án; thẩm định kết quả giảm phát thải, cấp tín chỉ các-bon rừng) nhưng trình tự, thủ tục dẫn chiếu theo quy định của Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2022/NĐ-CP (khoản 3 Điều 8) hoặc theo quy định của cơ quan quản

lý tiêu chuẩn các-bon quốc tế (khoản 3 Điều 9) nên không phát sinh thủ tục hành chính tại Nghị định này.

- Dự thảo nghị định có quy định về xác định kết quả giảm phát thải, tín chỉ các-bon rừng được trao đổi chuyển nhượng (Điều 10), nhưng đây là trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường về quản lý kết quả giảm phát thải bảo đảm đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải của Việt Nam, nên không phát sinh thủ tục hành chính tại Nghị định này.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Sẽ bổ sung sau (nếu có)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin gửi kèm theo Tờ trình: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo tổng kết thí điểm Nghị định 107/2022/NĐ-CP kèm theo Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (iii) Báo cáo thuyết minh dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, LNK.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Đức Duy